

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36 /2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 20/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST – HNGĐ ngày 10/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 8, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông **Trương Công Q**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 12, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2018, biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 22/01/2019, các lời khai và tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:*

Bà và ông Trương Công Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 11/7/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn,

nguyên nhân do vợ chồng ông bà không có con chung, ông Trương Công Q thường xuyên ăn nhậu, say xỉn, không lo làm ăn và nhiều lần dọn đồ đạc của bà T trả về nhà cha mẹ bà T. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn ông Trương Công Q.

Về con chung: Vợ chồng ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Về bị đơn: Tòa đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để ông Trương Công Q đến Tòa làm việc về nội dung khởi kiện của bà Phạm Thị T, nhưng ông Q đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày gửi đến Tòa, nên không có ý kiến của ông Q trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án; thời hạn chuẩn bị xét xử; thủ tục thu thập chứng cứ; trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trương Công Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Trương Công Q tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2017 ngày 11/7/2017, nên quan hệ hôn nhân của bà T, ông Q là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nguyên nhân không có con chung dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thiếu tin tưởng và tôn trọng nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến tình nghĩa vợ

chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Q để hòa giải đoàn tụ nhưng ông Q không đến Tòa. Hội đồng xét xử xét thấy ông Q không còn tha thiết với tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T trình bày vợ chồng ông, bà chưa có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà T khai không có, nên không xem xét.

[3] Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T. Bà Phạm Thị T ly hôn ông Trương Công Q.

2. Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2018/0000215 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về con chung: Bà T trình bày vợ chồng ông bà chưa có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Bà T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND.TP.Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP. Quảng Ngãi;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng

